BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20 /2026/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học; quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Các đại học, học viện, trường đại học (sau đây gọi là cơ sở giáo dục đại học) trong hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm các cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư của nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

b) Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập, cho phép thành lập và cho phép hoạt động (sau đây gọi là tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục);

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

3. Trường hợp cơ sở giáo dục đại học lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoạt động tại

Việt Nam thì áp dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học, quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo hồ sơ đăng ký hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất lượng của cơ sở giáo dục đại học* là sự đáp ứng các mục tiêu do chính cơ sở giáo dục đại học xác lập, đồng thời đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học; bảo đảm và cải tiến liên tục chất lượng các lĩnh vực hoạt động, nhằm phục vụ hiệu quả cho nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương và cả nước.

2. *Đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học* là quá trình thu thập và phân tích thông tin, từ đó đưa ra các nhận định dựa trên tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, nhằm xem xét một cách toàn diện hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: lãnh đạo và quản lý chiến lược, các chức năng chính của cơ sở giáo dục đại học, hệ thống bảo đảm chất lượng, kết quả và tác động.

3. *Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học* là hoạt động đánh giá, công nhận mức độ đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của cơ sở giáo dục đại học theo bộ tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

4. *Tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học* là quá trình cơ sở giáo dục đại học dựa trên tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, tự thu thập, phân tích thông tin và minh chứng để đưa ra các đánh giá về mức độ đáp ứng các tiêu chí, qua đó xem xét toàn diện hoạt động của cơ sở giáo dục đại học và việc vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong. Quá trình này có sự tham gia của các bên liên quan; kết quả tự đánh giá được sử dụng để điều chỉnh nguồn lực, hoàn thiện quy trình hoạt động, cải tiến chất lượng, công khai thông tin và thực hiện trách nhiệm giải trình.

5. *Đánh giá ngoài* là quá trình tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục khảo sát, đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục để xác định mức độ mà cơ sở giáo dục đại học đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

6. *Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học* là tập hợp các yêu cầu về nội dung và điều kiện mà một cơ sở giáo dục đại học cần đáp ứng để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Mỗi tiêu chuẩn có nhiều tiêu chí.

7. *Tiêu chí đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học* là yêu cầu và điều kiện cần đạt được ở một nội dung cụ thể của mỗi tiêu chuẩn.

8. *Thông tin* là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có

sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác. Thông tin được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau để bảo đảm tính chính xác, được sử dụng để hỗ trợ và minh họa cho các nhận định trong báo cáo tự đánh giá và báo cáo đánh giá ngoài.

9. *Minh chứng* là các tài liệu in, tài liệu số hóa, tư liệu, sự vật, hiện tượng, ý kiến của nhân chứng được dẫn ra để xác nhận một hoạt động, sự việc làm căn cứ để xác định mức độ đạt được của tiêu chí.

10. *Đối sánh chất lượng* là hoạt động đối chiếu và so sánh các lĩnh vực hoạt động của một cơ sở giáo dục đại học với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục hoặc với cơ sở giáo dục đại học được lựa chọn nhằm cải tiến chất lượng của cơ sở giáo dục đại học thực hiện đối sánh.

11. *Các bên liên quan của cơ sở giáo dục đại học* gồm có bên liên quan bên trong và bên liên quan bên ngoài. Bên liên quan bên trong gồm: người học, giảng viên, nghiên cứu viên (nếu có), kỹ thuật viên, chuyên viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý và các tổ chức, cá nhân liên quan khác của cơ sở giáo dục đại học. Bên liên quan bên ngoài gồm: cựu người học, người học tiềm năng, gia đình người học, nhà sử dụng lao động, các hội nghề nghiệp, chuyên gia, doanh nghiệp, đối tác, nhà tài trợ, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

12. *Triết lý giáo dục* là một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục.

13. *Cộng đồng* là các đối tượng, đối tác trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu, phát triển, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, chính quyền các cấp và các bên liên quan trong phạm vi cơ sở giáo dục đại học triển khai các hoạt động.

14. *Kết nối và phục vụ cộng đồng* là các hoạt động của cơ sở giáo dục đại học nhằm góp phần vào việc giải quyết những vấn đề cụ thể của cộng đồng, mang lại lợi ích cho xã hội, cho cộng đồng.

15. *Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong của cơ sở giáo dục đại học* là tổng thể các cấu phần tổ chức, chính sách, quy trình, công cụ, nguồn lực và cơ chế vận hành do cơ sở giáo dục đại học xây dựng, triển khai, giám sát và phát triển nhằm duy trì và thúc đẩy văn hóa chất lượng, bảo đảm cải tiến chất lượng liên tục, công khai minh bạch thông tin và nâng cao trách nhiệm giải trình trong toàn bộ hoạt động giáo dục đại học, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng trong nước hoặc quốc tế.

Điều 3. Mục đích sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học và sử dụng kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học và kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học để xây dựng, vận hành, phát triển và hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, hướng dẫn và kiểm soát toàn bộ hoạt động liên quan đến cơ sở giáo dục đại học; tự đánh giá, công khai thông tin, thực hiện trách nhiệm giải trình, bảo đảm nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học để xây dựng các hướng dẫn đánh giá đối với cơ sở giáo dục đại học; thẩm định hồ sơ tự đánh giá; đánh giá ngoài, hướng dẫn hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong và cải tiến phương pháp vận hành hệ thống; công nhận hoặc không công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học.

3. Các tổ chức, cá nhân khác sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học và kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học làm cơ sở để nhận định, đánh giá và tham gia phản biện xã hội đối với cơ sở giáo dục đại học mà họ quan tâm.

Chương II

BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Mục 1

LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ CHIẾN LƯỢC

Điều 4. Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và quản trị

1. Tiêu chí 1.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi là CSĐT) công bố tầm nhìn, sứ mạng của CSĐT, bảo đảm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

2. Tiêu chí 1.2: CSĐT có hệ thống quản trị bao gồm hội đồng đại học/hội đồng trường (nếu có), ban giám đốc/ban giám hiệu, tổ chức Đảng, đoàn thể (nếu có), hội đồng khoa học và đào tạo, các hội đồng tư vấn, và các thành phần quản trị khác nhằm định hướng tổng thể và bảo đảm trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, sự bền vững và giảm thiểu rủi ro.

3. Tiêu chí 1.3: Lãnh đạo CSĐT thúc đẩy các giá trị văn hóa nhằm đề cao tính liêm chính học thuật và hành vi chuẩn mực, bảo đảm phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và hướng tới việc đạt được các mục tiêu của CSĐT.

4. Tiêu chí 1.4: Tầm nhìn, sứ mạng và các giá trị văn hóa của CSĐT được truyền đạt rõ ràng và triển khai thực hiện đến nhân sự tất cả các cấp của CSĐT.

5. Tiêu chí 1.5: Các quyết định của tổ chức quản trị được cụ thể hóa thành kế hoạch hành động và chính sách, trong đó thể hiện trách nhiệm xã hội của CSĐT

nhằm bảo vệ lợi ích của các bên liên quan, cộng đồng và môi trường.

6. Tiêu chí 1.6: Hệ thống quản trị của CSĐT được cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro tốt hơn.

Điều 5. Tiêu chuẩn 2: Lãnh đạo và chiến lược

1. Tiêu chí 2.1: CSĐT có cơ cấu tổ chức quản lý với các vai trò và trách nhiệm được xác định rõ ràng, bảo đảm thông tin được trao đổi thông suốt và đa chiều.

2. Tiêu chí 2.2: Cơ cấu tổ chức quản lý được rà soát định kỳ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và kết quả vận hành của CSĐT.

3. Tiêu chí 2.3: Các kế hoạch chiến lược ngắn, trung và dài hạn được triển khai nhằm đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng; quá trình xây dựng kế hoạch có tính đến năng lực nội tại cũng như các cơ hội và thách thức từ bên ngoài.

4. Tiêu chí 2.4: Các chỉ số chính nhằm đánh giá hiệu quả thực hiện (KPIs) và các chỉ tiêu được thiết lập nhằm đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSĐT.

5. Tiêu chí 2.5: Kế hoạch chiến lược được phổ biến và triển khai tới tất cả các cấp quản lý và nhân sự trong CSĐT, gắn với mục tiêu công việc của từng cá nhân.

Điều 6. Tiêu chuẩn 3: Nguồn nhân lực

1. Tiêu chí 3.1: Quy hoạch nguồn nhân lực cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên, nhân viên, kỹ thuật viên (bao gồm điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, nghỉ việc, thôi việc và nghỉ hưu) được thực hiện nhằm đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng.

2. Tiêu chí 3.2: Hệ thống thăng tiến và bổ nhiệm các chức danh của đội ngũ giảng viên được thiết lập và vận hành hiệu quả.

3. Tiêu chí 3.3: Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên, nhân viên, kỹ thuật viên bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo được xác định, chuẩn hóa và triển khai.

4. Tiêu chí 3.4: Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên, nhân viên, kỹ thuật viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng nhu cầu này.

5. Tiêu chí 3.5: Hệ thống quản lý thực hiện hiệu quả nhiệm vụ, bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ được

triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng.

Điều 7. Tiêu chuẩn 4: Nguồn lực tài chính và vật chất

1. Tiêu chí 4.1: Hệ thống quản lý tài chính hoạt động hiệu quả trong việc lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán và cải tiến việc sử dụng các nguồn lực tài chính, nhằm hỗ trợ CSĐT trong việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược, đồng thời tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Tiêu chí 4.2: Việc lập kế hoạch, bảo trì, nâng cấp và mở rộng cơ sở vật chất, hạ tầng được thực hiện hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai của CSĐT về đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng.

3. Tiêu chí 4.3: CSĐT có hệ thống vận hành hiệu quả trong việc lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và kết nối mạng, đáp ứng nhu cầu hiện tại của CSĐT và dự báo về đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng.

4. Tiêu chí 4.4: CSĐT có hệ thống vận hành hiệu quả trong việc lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và cải tiến các nguồn lực học thuật như thư viện, học liệu giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến,... nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại của CSĐT và dự báo về đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng.

5. Tiêu chí 4.5: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, đánh giá và cải tiến các điều kiện môi trường, y tế, an toàn và khả năng tiếp cận cho người có nhu cầu đặc biệt được vận hành hiệu quả; bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật.

Điều 8. Tiêu chuẩn 5: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

1. Tiêu chí 5.1: CSĐT có các chính sách, kế hoạch chiến lược và quy trình để tăng cường quan hệ đối ngoại, phát triển mạng lưới và quan hệ đối tác với doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp, cựu người học, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong và ngoài nước.

2. Tiêu chí 5.2: Các kế hoạch đối ngoại của CSĐT được triển khai và phù hợp với việc đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSĐT.

Mục 2

CÁC CHỨC NĂNG CHÍNH CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Điều 9. Tiêu chuẩn 6: Các chính sách về đào tạo

1. Tiêu chí 6.1: Các kế hoạch, chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học vào từng chương trình đào tạo được xây dựng, triển khai, giám sát và cải tiến nhằm bảo đảm tính phù hợp và hiệu quả.

2. Tiêu chí 6.2: CSĐT có quy trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo, trong đó chuẩn đầu ra của tất cả các chương trình đào tạo được xây dựng,

triển khai, rà soát và cập nhật một cách có hệ thống, để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

3. Tiêu chí 6.3: CSĐT có hệ thống để lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và đạt được các chuẩn đầu ra.

4. Tiêu chí 6.4: Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá nhằm bảo đảm chất lượng và cải tiến chất lượng.

5. Tiêu chí 6.5: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy tự học tập, học tập suốt đời, tư duy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, được thiết kế phù hợp và gắn kết với việc đạt được các chuẩn đầu ra.

6. Tiêu chí 6.6: CSĐT có hệ thống để lựa chọn các hình thức đánh giá người học phù hợp và gắn kết với việc đạt được các chuẩn đầu ra.

7. Tiêu chí 6.7: Các dịch vụ và hoạt động hỗ trợ người học phù hợp được triển khai, giám sát và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Điều 10. Tiêu chuẩn 7: Các chính sách về nghiên cứu khoa học

1. Tiêu chí 7.1: CSĐT có hệ thống hiệu quả để định hướng và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học ở tất cả các cấp của CSĐT.

2. Tiêu chí 7.2: Các chỉ số chính nhằm đánh giá hiệu quả thực hiện (như mức kinh phí, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học, bằng sáng chế, bản quyền, phát minh,...) được sử dụng để đánh giá toàn diện hoạt động nghiên cứu khoa học từ đầu vào đến đầu ra, kết quả và tác động.

3. Tiêu chí 7.3: CSĐT có cơ chế khuyến khích và quản lý có hệ thống đối với hoạt động nghiên cứu xuất sắc, đặc biệt là hoạt động đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp.

4. Tiêu chí 7.4: CSĐT có hệ thống dữ liệu lớn phù hợp và hiệu quả để ghi nhận, lưu trữ và phân tích toàn bộ tài sản trí tuệ của CSĐT.

5. Tiêu chí 7.5: CSĐT có hệ thống để thiết lập, duy trì và thúc đẩy, phát triển hợp tác nghiên cứu khoa học với các tổ chức chính phủ, các CSĐT khác, các doanh nghiệp trong nước và quốc tế ở nhiều lĩnh vực chuyên môn.

Điều 11. Tiêu chuẩn 8: Các chính sách về kết nối và phục vụ cộng đồng

1. Tiêu chí 8.1: Các chính sách, kế hoạch, hướng dẫn về kết nối và phục vụ cộng đồng được xây dựng, triển khai, rà soát, cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

2. Tiêu chí 8.2: Các chính sách, kế hoạch, hướng dẫn về kết nối và phục vụ cộng đồng phù hợp với định hướng phát triển của quốc gia, được triển khai, rà soát và cải tiến.

3. Tiêu chí 8.3: Các chính sách, kế hoạch, hướng dẫn về kết nối và phục vụ

cộng đồng thể hiện sự đóng góp cho một tương lai toàn cầu vì lợi ích chung và bền vững hơn, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.

Mục 3

HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG VÀ HỖ TRỢ

Điều 12. Tiêu chuẩn 9: Hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Tiêu chí 9.1: CSĐT có đơn vị chuyên trách với vai trò và trách nhiệm trong điều phối, giám sát các hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong và bên ngoài. Các hoạt động này có hiệu quả và gắn kết với việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSĐT.

2. Tiêu chí 9.2: CSĐT xây dựng kế hoạch bảo đảm chất lượng, trong đó thể hiện rõ cam kết và sự tham gia của các bên liên quan nhằm hướng đến mức độ bảo đảm chất lượng cao hơn.

3. Tiêu chí 9.3: Kế hoạch bảo đảm chất lượng được quán triệt và chuyển tải vào các kế hoạch hành động ngắn hạn và dài hạn để triển khai ở tất cả các cấp của CSĐT.

4. Tiêu chí 9.4: CSĐT xác lập rõ ràng các chỉ số chính nhằm đánh giá hiệu quả thực hiện và chỉ tiêu để đo lường hiệu quả hoạt động bảo đảm chất lượng; kết quả đo lường được công bố kịp thời đến các bên liên quan để phục vụ phản hồi và cải tiến.

Điều 13. Tiêu chuẩn 10: Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bên trong

1. Tiêu chí 10.1: CSĐT có hệ thống quản lý thông tin hiệu quả để thu thập, xử lý và báo cáo các chỉ số chính nhằm đánh giá hiệu quả thực hiện, các chỉ tiêu về chiến lược và bảo đảm chất lượng. Hệ thống này hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng theo sứ mạng của CSĐT.

2. Tiêu chí 10.2: Hệ thống quản lý thông tin bảo đảm chất lượng có chức năng phân tích dữ liệu và cho phép các bên liên quan truy cập dễ dàng để hỗ trợ việc ra quyết định, đồng thời phải bảo đảm tính toàn vẹn và hữu ích của thông tin.

Điều 14. Tiêu chuẩn 11: Nâng cao chất lượng

1. Tiêu chí 11.1: CSĐT có kế hoạch liên tục tăng cường hệ thống bảo đảm chất lượng, bao gồm các hoạt động đối sánh, nghiên cứu so sánh nhằm xác định các thực hành tốt trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng.

2. Tiêu chí 11.2: CSĐT thiết lập các chỉ số đối sánh và so sánh từ nhiều nguồn và sử dụng các chỉ số này trong hoạt động tự đánh giá và cải tiến các hoạt động bảo đảm chất lượng.

Mục 4

KẾT QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG

Điều 15. Tiêu chuẩn 12: Các kết quả về đào tạo

1. Tiêu chí 12.1: Các chỉ số về kết quả đầu ra như tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và mức độ đạt chuẩn đầu ra của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

2. Tiêu chí 12.2: Tình hình việc làm, khởi nghiệp và các nguyện vọng nghề nghiệp khác của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

3. Tiêu chí 12.3: Các chỉ số về kết quả đầu ra và về tác động dài hạn, như mức độ đóng góp cho sự phát triển quốc gia và các mục tiêu phát triển bền vững, được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

4. Tiêu chí 12.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Điều 16. Tiêu chuẩn 13: Các kết quả về nghiên cứu khoa học

1. Tiêu chí 13.1: Nguồn kinh phí và phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học của CSĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

2. Tiêu chí 13.2: Loại hình và số lượng của các sản phẩm nghiên cứu khoa học và các tài sản trí tuệ khác do đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và người học tạo ra được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

3. Tiêu chí 13.3: Kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong kinh doanh, bao gồm khởi nghiệp, ươm tạo khởi nghiệp, thương mại hóa, được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

4. Tiêu chí 13.4: Hoạt động nghiên cứu khoa học của CSĐT có đóng góp vào sự phát triển quốc gia và phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững.

Điều 17. Tiêu chuẩn 14: Các kết quả về kết nối và phục vụ cộng đồng

1. Tiêu chí 14.1: Loại hình và số lượng hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng và đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

2. Tiêu chí 14.2: Tác động xã hội và kết quả của các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội và các mục tiêu phát triển bền vững được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

3. Tiêu chí 14.3: Tác động đối với người học và đội ngũ giảng viên, nhân viên từ các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội và các mục tiêu phát triển bền vững được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

4. Tiêu chí 14.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội và cho các mục tiêu phát triển bền vững được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Điều 18. Tiêu chuẩn 15: Các kết quả về tài chính và thị trường

1. Tiêu chí 15.1: Các chỉ số hiệu quả tài chính cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

2. Tiêu chí 15.2: Các chỉ số kết quả và vị thế trên thị trường đối với hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng.

Chương III

QUY TRÌNH, CHU KỲ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Mục 1

QUY TRÌNH, CHU KỲ, CÁCH ĐÁNH GIÁ

Điều 19. Quy trình và chu kỳ

1. Quy trình kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo bốn bước:

a) Tự đánh giá;

b) Đánh giá ngoài;

c) Thẩm định kết quả đánh giá;

d) Công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Chu kỳ kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học là 05 năm.

Điều 20. Cách đánh giá

1. Cơ sở giáo dục đại học tự đánh giá và đánh giá ngoài theo các tiêu chuẩn và tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học quy định tại Chương II của Thông tư này.

2. Đánh giá tiêu chí theo 02 mức như sau:

a) Đạt: Tiêu chí được đánh giá ở mức đạt khi cơ sở giáo dục đại học có cách tiếp cận chính thức về bảo đảm chất lượng, thiết lập hệ thống phù hợp và đã triển khai các hoạt động bảo đảm chất lượng một cách rõ ràng, chặt chẽ và nhất quán với các chính sách, quy trình có liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu của tiêu chí, đồng thời có minh chứng cho thấy đã thực hiện cải tiến chất lượng thường xuyên và có hệ thống;

b) Không đạt: Tiêu chí được đánh giá ở mức không đạt khi cơ sở giáo dục đại học không có cách tiếp cận chính thức về bảo đảm chất lượng, không có hệ thống chính sách, quy định, quy trình phù hợp để đáp ứng yêu cầu của tiêu chí; hoặc có các chính sách, quy định, quy trình nhưng chưa được ban hành hợp lệ

hoặc chưa được áp dụng nhất quán và chính thức; không có minh chứng xác thực về việc thực hiện cải tiến chất lượng.

3. Đánh giá tiêu chuẩn theo 02 mức như sau:

a) Tiêu chuẩn được đánh giá ở mức đạt khi có không quá một (01) tiêu chí không đạt, đối với tiêu chuẩn có từ sáu (06) tiêu chí trở lên được đánh giá là đạt khi có không quá hai (02) tiêu chí không đạt;

b) Tiêu chuẩn được đánh giá ở mức không đạt khi số tiêu chí không đạt vượt quá mức quy định tại điểm a khoản này.

4. Đánh giá cơ sở giáo dục đại học theo 03 mức như sau:

a) Cơ sở giáo dục đại học được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá đạt;

b) Cơ sở giáo dục đại học được đánh giá là đạt có điều kiện khi có không quá bốn (04) tiêu chuẩn không đạt. Trong trường hợp này, cơ sở giáo dục đại học phải xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng, bảo đảm hoàn thiện các nội dung không đạt trong thời gian không quá hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày được công nhận đạt có điều kiện, để đáp ứng điều kiện được công nhận đạt theo quy định tại điểm a khoản này;

c) Cơ sở giáo dục đại học được đánh giá là không đạt nếu không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

5. Điều kiện cơ sở giáo dục đại học được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục:

a) Cơ sở giáo dục đại học phải có ít nhất một khóa học có người học tốt nghiệp tại thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá;

b) Cơ sở giáo dục đại học phải được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đánh giá, có kết quả đánh giá đạt hoặc đạt có điều kiện theo quy định, và có văn bản gửi tổ chức kiểm định xem xét, ra quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

6. Trách nhiệm cải tiến chất lượng của cơ sở giáo dục đại học:

a) Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm duy trì, nâng cao chất lượng đối với các tiêu chí đạt và thực hiện cải tiến chất lượng liên tục đối với các tiêu chí không đạt. Ngay sau khi được công nhận đạt hoặc đạt có điều kiện, cơ sở giáo dục đại học phải ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng cụ thể đối với các tiêu chí không đạt; trường hợp được công nhận đạt có điều kiện, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm triển khai khắc phục các tiêu chí không đạt và bảo đảm đáp ứng

đầy đủ yêu cầu của tiêu chí trong thời gian không quá hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày được công nhận, làm căn cứ để được xem xét công nhận đạt;

b) Cơ sở giáo dục đại học cần báo cáo tiến độ cải tiến chất lượng định kỳ hằng năm đối với các tiêu chí không đạt đến tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định và cung cấp minh chứng về các biện pháp cải tiến đã thực hiện.

7. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học sau đánh giá ngoài:

a) Theo dõi việc cải tiến chất lượng: Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm theo dõi tiến độ cải tiến chất lượng đối với các cơ sở giáo dục đại học có từ một (01) đến bốn (04) tiêu chuẩn không đạt. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục yêu cầu cơ sở giáo dục đại học báo cáo và cung cấp minh chứng về quá trình cải tiến;

b) Đánh giá lại sau từ 12 đến 24 tháng: Đối với các cơ sở giáo dục đại học có từ 01 đến 04 tiêu chuẩn không đạt, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện đánh giá lại sau 12 đến 24 tháng để xác nhận rằng cơ sở giáo dục đại học đã thực hiện các biện pháp cải tiến và đạt hoặc không đạt các yêu cầu tại điểm a khoản 4 Điều này.

Mục 2

TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 21. Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo các bước sau đây:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá (mẫu biểu 01).

2. Lập kế hoạch tự đánh giá (mẫu biểu 02).

3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng (mẫu biểu 03).

4. Tự đánh giá mức đạt của các tiêu chí (mẫu biểu 04).

5. Xây dựng báo cáo tự đánh giá (mẫu biểu 05 và mẫu biểu 12).

6. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.

7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Điều 22. Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học

1. Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học do Hiệu trưởng hoặc Giám đốc cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng) quyết định thành lập, có số lượng thành viên là số lẻ và có ít nhất chín (09) thành viên.

2. Thành phần hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học bao gồm:

a) Chủ tịch hội đồng tự đánh giá là Hiệu trưởng; Phó Chủ tịch là một Phó Hiệu trưởng. Các thành viên khác gồm đại diện của Hội đồng trường (nếu có), Hội đồng khoa học và đào tạo, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức đại diện của người lao động theo quy định của pháp luật thuộc cơ sở giáo dục đại học; đơn vị chuyên trách về bảo đảm chất lượng và một số phòng, ban, khoa, bộ môn; đại diện giảng viên, người học.

b) Hội đồng tự đánh giá có ban thư ký giúp việc, bao gồm nhân sự của đơn vị chuyên trách bảo đảm chất lượng và nhân sự của các đơn vị liên quan, trong đó trưởng đơn vị chuyên trách bảo đảm chất lượng được chỉ định làm trưởng ban. Các công việc cụ thể của hội đồng tự đánh giá được phân công cho các nhóm công tác chuyên trách gồm các thành viên của hội đồng tự đánh giá và ban thư ký. Mỗi nhóm công tác có tối thiểu ba (03) thành viên, phụ trách một hoặc một số tiêu chuẩn và do một thành viên của hội đồng tự đánh giá phụ trách;

3. Hội đồng tự đánh giá có chức năng giúp Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học theo Thông tư này. Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận để đi đến thống nhất.

4. Nhiệm vụ của hội đồng tự đánh giá:

a) Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá; giới thiệu quy trình tự đánh giá; nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học và yêu cầu các đơn vị, cá nhân liên quan phối hợp thực hiện;

b) Tổ chức triển khai các bước theo quy trình tự đánh giá.

5. Nhiệm vụ của các thành viên hội đồng tự đánh giá:

a) Chủ tịch hội đồng chịu trách nhiệm về các hoạt động của hội đồng và kết quả tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính và những người phối hợp; triệu tập và điều hành các phiên họp của hội đồng; phê duyệt kế hoạch tự đánh giá; chỉ đạo quá trình thu thập, xử lý, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá kết quả đạt được của từng tiêu chí và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá và phê duyệt báo cáo tự đánh giá;

b) Phó chủ tịch hội đồng thực hiện các nhiệm vụ do chủ tịch hội đồng phân công; khi được chủ tịch hội đồng ủy quyền, có nhiệm vụ điều hành hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được ủy quyền;

c) Các thành viên khác của hội đồng có nhiệm vụ thực hiện những công việc do chủ tịch hội đồng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được phân công.

6. Các thành viên của hội đồng phải được tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học về các nội dung: hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục;

quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục; hướng dẫn tự đánh giá; kinh nghiệm tự đánh giá ở trong và ngoài nước; kỹ năng nghiên cứu hồ sơ văn bản, phỏng vấn, quan sát, thảo luận nhóm, điều tra và viết báo cáo tự đánh giá.

Điều 23. Lập kế hoạch tự đánh giá

1. Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá, chủ tịch hội đồng tự đánh giá phê duyệt và ký ban hành kế hoạch tự đánh giá.

2. Kế hoạch tự đánh giá phải thể hiện được các nội dung sau:

a) Mục đích; phạm vi của công tác tự đánh giá bao gồm thông tin về việc tự đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo quy định;

b) Thành phần hội đồng tự đánh giá;

c) Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên hội đồng tự đánh giá;

d) Công cụ tự đánh giá;

đ) Dự kiến các nguồn lực về cơ sở vật chất, tài chính và thời điểm cần huy động các nguồn lực trong quá trình triển khai tự đánh giá;

e) Thời gian biểu: chỉ rõ khoảng thời gian cần thiết để triển khai và lịch trình thực hiện các hoạt động cụ thể trong quá trình triển khai tự đánh giá.

Điều 24. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng

1. Thông tin, minh chứng có thể được thu thập từ hồ sơ lưu trữ của cơ sở giáo dục đại học, đơn vị chuyên môn của cơ sở giáo dục đại học được đánh giá, và các đơn vị có liên quan; từ kết quả khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát các hoạt động của cơ sở giáo dục đại học. Minh chứng phải có nguồn gốc rõ ràng và bảo đảm tính chính xác.

2. Thông tin, minh chứng thu được sử dụng cho mục đích đánh giá các mức đạt của từng tiêu chí nhằm mục đích mô tả hiện trạng các hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

3. Các minh chứng đưa vào báo cáo tự đánh giá phải được mã hóa, số hóa, thuận tiện cho việc kiểm tra, cập nhật, lưu trữ và đối chiếu khi cần thiết.

4. Căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học, hội đồng tự đánh giá phân công cụ thể cho các thành viên của hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, viết phiếu đánh giá tiêu chí trước khi tiến hành viết báo cáo tự đánh giá.

Điều 25. Tự đánh giá mức đạt của các tiêu chí

1. Việc tự đánh giá các mức đạt theo từng tiêu chí thực hiện thông qua phiếu đánh giá tiêu chí, gồm các nội dung: mô tả, điểm mạnh, điểm tồn tại, kế hoạch

hành động và tự đánh giá mức đạt của tiêu chí.

2. Phiếu tự đánh giá tiêu chí do cá nhân hoặc nhóm công tác viết và phải được lấy ý kiến của hội đồng tự đánh giá. Mỗi tiêu chí được đánh giá theo một phiếu tự đánh giá tiêu chí.

Điều 26. Xây dựng báo cáo tự đánh giá

1. Báo cáo tự đánh giá có các nội dung được trình bày cô đọng, rõ ràng, chính xác, khách quan, bảo đảm đầy đủ nội dung của các tiêu chí theo từng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

2. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được công bố trong nội bộ cơ sở giáo dục đại học để các cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên, nhân viên, người học và các cá nhân liên quan khác có thể đọc và góp ý các nội dung liên quan trong thời gian ít nhất 10 ngày làm việc.

3. Báo cáo tự đánh giá được hội đồng tự đánh giá hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến góp ý theo quy định tại khoản 2 Điều này, chủ tịch hội đồng tự đánh giá quy định cách thức hội đồng tự đánh giá hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, phê duyệt ký và ban hành báo cáo tự đánh giá.

Điều 27. Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá

1. Cơ sở giáo dục đại học lưu trữ báo cáo tự đánh giá và các hồ sơ liên quan, bao gồm:

a) Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá;

b) Kế hoạch tự đánh giá;

c) Báo cáo tự đánh giá đã được phê duyệt;

d) Các minh chứng;

đ) Các văn bản, tài liệu liên quan.

2. Thời hạn lưu trữ báo cáo tự đánh giá cùng toàn bộ hồ sơ liên quan theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Báo cáo tự đánh giá được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học để các tổ chức, cá nhân dễ tiếp cận. Đối với báo cáo tự đánh giá có thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin không được công khai theo quy định của pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 28. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

1. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện các việc sau:

a) Gửi văn bản và báo cáo tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp để được giám sát, hỗ trợ trong việc thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng theo các kế hoạch hành động đã nêu trong báo cáo tự đánh giá;

b) Thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục; rà soát, đánh giá, bổ sung và điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng một cách phù hợp;

c) Trừ các báo cáo tự đánh giá có thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, các cơ sở giáo dục đại học phải cập nhật báo cáo tự đánh giá trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học; lưu trữ tại cơ sở giáo dục đại học và cập nhật vào phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có trách nhiệm cập nhật danh sách các cơ sở giáo dục đại học đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá vào phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và gửi thông báo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng) để theo dõi chung.

Mục 3

ĐÁNH GIÁ NGOÀI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 29. Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và thực hiện đánh giá ngoài

1. Sau khi hoàn thành việc tự đánh giá và công bố công khai báo cáo tự đánh giá đã được Hiệu trưởng ký ban hành trong nội bộ cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục đại học lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoạt động còn hiệu lực để thực hiện đánh giá ngoài. Thời gian công bố công khai báo cáo tự đánh giá ít nhất là hai mươi (20) ngày làm việc. Đối với cơ sở giáo dục đại học có thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, cơ sở giáo dục đại học gửi báo cáo tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp để thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định, làm căn cứ cho việc lựa chọn tổ chức kiểm định thực hiện đánh giá ngoài.

2. Căn cứ thời hạn được ghi trên giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được cấp cho cơ sở giáo dục đại học; các quy định pháp luật khác về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài để được đánh giá, xem xét, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Đối với các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng việc tự đánh giá, đánh giá ngoài thực hiện theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Điều 30. Thẩm định hồ sơ báo cáo tự đánh giá và đề nghị đánh giá ngoài

1. Trên cơ sở hợp đồng đã ký với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục,

cơ sở giáo dục đại học gửi báo cáo tự đánh giá và hồ sơ liên quan đến tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định. Theo đề nghị của cơ sở giáo dục đại học, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức thẩm định hồ sơ báo cáo tự đánh giá.

2. Trong thời gian hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định báo cáo tự đánh giá (mẫu biểu 06), trả kết quả thẩm định cho cơ sở giáo dục đại học theo một trong các mức độ như sau:

a) Báo cáo tự đánh giá không đáp ứng các yêu cầu về hình thức và nội dung, cơ sở giáo dục đại học cần tiếp tục hoàn thiện;

b) Báo cáo tự đánh giá cơ bản đáp ứng yêu cầu về hình thức và nội dung, cơ sở giáo dục đại học cần hoàn thiện trước khi triển khai đánh giá ngoài;

c) Báo cáo tự đánh giá đã đáp ứng yêu cầu và có thể triển khai đánh giá ngoài.

3. Trong trường hợp hồ sơ tự đánh giá đã đáp ứng yêu cầu, cơ sở giáo dục đại học có văn bản đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục triển khai đánh giá ngoài.

4. Việc ký hợp đồng thẩm định hồ sơ tự đánh giá và đánh giá ngoài giữa cơ sở giáo dục đại học và tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Thành lập đoàn đánh giá ngoài

1. Giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài, bảo đảm các thành viên của đoàn không thuộc các trường hợp không được tham gia đoàn theo quy định. Đối với cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng, danh sách thành viên đoàn đánh giá ngoài do cơ quan quản lý trực tiếp giới thiệu.

2. Số lượng, thành phần đoàn đánh giá ngoài: đoàn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học có ít nhất 05 thành viên. Các thành viên đoàn đánh giá ngoài là kiểm định viên chất lượng giáo dục đại học, bao gồm:

a) Trưởng đoàn, phó trưởng đoàn (nếu có) là người đã hoặc đang là lãnh đạo cơ sở giáo dục đại học hoặc giữ các chức vụ khác tương đương trở lên, có kinh nghiệm trong việc triển khai các hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học. Trưởng đoàn chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động của đoàn;

b) Thư ký của đoàn đánh giá ngoài là kiểm định viên cơ hữu của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, có kinh nghiệm triển khai các hoạt động đánh giá ngoài, có nhiệm vụ giúp trưởng đoàn chuẩn bị và triển khai các hoạt động đánh

giá ngoài, dự thảo các văn bản của đoàn đánh giá ngoài;

c) Các thành viên còn lại là người của các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, tổ chức xã hội nghề nghiệp hoặc nhà tuyển dụng lao động, có khả năng nhận xét, đánh giá, tư vấn cho cơ sở giáo dục đại học được đánh giá. Các thành viên có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ do trưởng đoàn phân công.

Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài

1. Trưởng đoàn:

a) Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đánh giá ngoài (mẫu biểu 07) và trình giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phê duyệt;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá ngoài; phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn đánh giá ngoài;

c) Thay mặt đoàn đánh giá ngoài thông báo và thảo luận với cơ sở giáo dục đại học về kết quả khảo sát, những nhận định và khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài đối với cơ sở giáo dục đại học;

d) Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá, báo cáo kết quả khảo sát tại cơ sở giáo dục đại học và báo cáo đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài;

đ) Tổ chức việc tập hợp hồ sơ, tài liệu, minh chứng liên quan đến hoạt động và kết quả đánh giá của đoàn đánh giá ngoài và chuyển cho tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để lưu trữ sau khi kết thúc đợt đánh giá ngoài;

e) Tổ chức việc chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ việc giải trình các yêu cầu khiếu nại hoặc chất vấn có liên quan đến hoạt động của đoàn đánh giá ngoài; thay mặt đoàn đánh giá ngoài báo cáo tóm tắt kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học trong phiên họp của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục;

g) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo yêu cầu của công tác đánh giá ngoài.

2. Phó trưởng đoàn (nếu có):

a) Thay mặt trưởng đoàn giải quyết công việc và tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá ngoài khi được ủy quyền;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của trưởng đoàn.

3. Thư ký:

a) Giúp trưởng đoàn trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá ngoài;

b) Kiểm tra việc sử dụng các văn bản, biểu mẫu trong quá trình đánh giá

ngoài theo đúng quy định;

c) Ghi biên bản các cuộc họp đoàn; tham mưu cho trưởng đoàn chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ việc giải trình các yêu cầu khiếu nại hoặc chất vấn có liên quan đến hoạt động của đoàn đánh giá ngoài (nếu có) và thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của trưởng đoàn.

4. Các thành viên khác: Thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của trưởng đoàn; chịu trách nhiệm và được bảo lưu ý kiến về nội dung được phân công phụ trách; phối hợp với trưởng đoàn và thư ký giải trình theo yêu cầu khiếu nại hoặc chất vấn về nội dung đánh giá có liên quan.

Điều 33. Giám sát viên, thực tập viên

1. Giám sát viên là lãnh đạo hoặc cán bộ cơ hữu của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ủy quyền thực hiện nhiệm vụ giám sát đoàn đánh giá ngoài để bảo đảm hoạt động đánh giá ngoài đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; người được ủy quyền có trách nhiệm kịp thời báo cáo với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục về hoạt động của đoàn đánh giá ngoài. Giám sát viên được tham gia tất cả các hoạt động của quá trình đánh giá ngoài nhưng không được can thiệp về chuyên môn làm ảnh hưởng đến kết quả đánh giá ngoài và tuân thủ quy định bảo mật thông tin của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Thực tập viên là người đang tham dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm hoặc đã được cấp thẻ kiểm định viên, được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cơ sở giáo dục đại học bố trí cho quan sát, thực tập hoạt động đánh giá ngoài. Thực tập viên được dự các phiên làm việc của đoàn đánh giá ngoài nhưng không được can thiệp về chuyên môn làm ảnh hưởng đến kết quả đánh giá ngoài; phải cam kết tuân thủ và chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các quy định về bảo mật thông tin của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 34. Nguyên tắc làm việc của đoàn đánh giá ngoài

1. Đoàn đánh giá ngoài làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Đối với những nội dung về chuyên môn không đạt được sự nhất trí của ít nhất 2/3 số thành viên trong đoàn đánh giá ngoài, trưởng đoàn có trách nhiệm tổ chức họp đoàn để thảo luận trực tiếp và đưa ra quyết định cuối cùng. Việc tổ chức họp được ghi nhận bằng biên bản, lưu trong hồ sơ của đoàn đánh giá ngoài.

3. Trường hợp phát sinh mâu thuẫn nội bộ trong đoàn đánh giá ngoài hoặc sai sót về quy trình, trưởng đoàn báo cáo tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để xem xét theo quy định và quy tắc nghề nghiệp, bảo đảm tính độc lập, khách

quan của hoạt động đánh giá.

4. Các thành viên đoàn đánh giá ngoài, giám sát viên và thực tập viên phải tuân thủ các nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục; có văn bản cam kết hoặc thỏa thuận với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục về đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm giữ bí mật thông tin liên quan đến hoạt động đánh giá ngoài; tôn trọng các đối tượng phỏng vấn, cơ sở giáo dục đại học và các thành viên khác trong đoàn.

Điều 35. Trình tự đánh giá ngoài

1. Nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá

a) Đoàn đánh giá ngoài nghiên cứu báo cáo tự đánh giá và hồ sơ liên quan đến cơ sở giáo dục đại học được đánh giá do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi đến; thu thập, phân tích, xử lý các thông tin, minh chứng liên quan đến các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

b) Các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài thảo luận để thống nhất các nội dung: về hình thức, cấu trúc và nội dung của báo cáo tự đánh giá; những tiêu chí chưa đánh giá, đánh giá chưa đúng hoặc chưa được phân tích và đánh giá đầy đủ; danh sách những tiêu chí cần kiểm tra, thẩm định lại hoặc bổ sung thông tin và minh chứng; danh mục những tư liệu, tài liệu cần được kiểm tra hoặc những tư liệu, tài liệu cần được bổ sung; dự kiến đối tượng và nội dung cần phỏng vấn; dự kiến địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị, các hoạt động cần khảo sát; dự kiến những tình huống có thể phát sinh;

c) Hoàn thiện dự thảo báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá; dự thảo phải được lấy ý kiến của các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài và được ít nhất 2/3 số thành viên trong đoàn đánh giá ngoài nhất trí thông qua.

2. Khảo sát sơ bộ

a) Thời gian làm việc trong 01 ngày, hình thức làm việc trực tiếp hoặc trực tuyến;

b) Thành phần: Trưởng đoàn, thư ký và đại diện thành viên đoàn đánh giá ngoài (nếu cần thiết); hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của cơ sở giáo dục đại học và đại diện tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

c) Nội dung: thông báo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá; hướng dẫn, yêu cầu cơ sở giáo dục đại học chuẩn bị cho khảo sát chính thức và các vấn đề khác (nếu có); thống nhất thời gian khảo sát chính thức của đoàn; thông qua biên bản khảo sát sơ bộ;

d) Sau buổi làm việc, các bên ký biên bản khảo sát sơ bộ (mẫu biểu 08).

3. Khảo sát chính thức tại cơ sở giáo dục đại học

a) Thời gian làm việc trực tiếp: từ 03 đến 05 ngày.

b) Các hoạt động chính của đoàn đánh giá ngoài: nghiên cứu hồ sơ minh chứng, tài liệu do cơ sở giáo dục đại học cung cấp; tham quan, khảo sát, phỏng vấn, quan sát các hoạt động chính khóa, ngoại khóa và thảo luận tại cơ sở giáo dục đại học; viết báo cáo kết quả khảo sát chính thức; thảo luận về dự thảo báo cáo kết quả khảo sát chính thức, báo cáo phải được ít nhất 2/3 số thành viên của đoàn đánh giá ngoài nhất trí thông qua; trước khi kết thúc đợt khảo sát, đoàn đánh giá ngoài làm việc với hội đồng tự đánh giá của cơ sở giáo dục đại học để thông báo những công việc đã thực hiện và trao đổi về các phát hiện trong quá trình khảo sát, đồng thời các bên ký biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức (mẫu biểu 09);

c) Tùy thuộc vào bối cảnh và thực tế, đoàn đánh giá ngoài có thể kết hợp phỏng vấn trực tiếp với phỏng vấn trực tuyến; đối tượng phỏng vấn là cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ sở giáo dục đại học, giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên, nhân viên, kỹ thuật viên, người học, người học đã tốt nghiệp và nhà sử dụng lao động liên quan đến cơ sở giáo dục đại học; đối tượng phỏng vấn phải bảo đảm đủ cơ cấu về độ tuổi, thâm niên công tác, giới tính, có sự phân bố hợp lý và mang tính đại diện các bên liên quan. Nội dung phỏng vấn được ghi lại bằng văn bản và lưu tại tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

4. Dự thảo báo cáo đánh giá ngoài (mẫu biểu 10 và mẫu biểu 12)

a) Các thành viên đoàn đánh giá ngoài viết báo cáo đánh giá ngoài theo những tiêu chí được phân công và gửi cho trưởng đoàn và thư ký để tổng hợp (mẫu biểu 11); trưởng đoàn và thư ký tập hợp, biên tập, hoàn thiện dự thảo báo cáo đánh giá ngoài và gửi lại cho các thành viên trong đoàn đánh giá ngoài để lấy ý kiến góp ý (nội dung dự thảo báo cáo đánh giá ngoài phải được ít nhất 2/3 số thành viên trong đoàn nhất trí thông qua). Các cuộc họp này đều được ghi nhận bằng biên bản, lưu trong hồ sơ của đoàn đánh giá ngoài;

b) Đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, gửi dự thảo báo cáo đánh giá ngoài cho cơ sở giáo dục đại học để tham khảo ý kiến trong thời hạn 10 ngày làm việc.

5. Hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm gửi công văn cho đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, nêu rõ các ý kiến nhất trí hoặc không nhất trí với dự thảo báo cáo đánh giá ngoài. Trường hợp không nhất trí với dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, cơ sở giáo dục đại học phải nêu rõ lý do kèm theo các minh chứng. Nếu quá thời hạn trên mà cơ sở giáo dục đại học không có ý kiến trả lời thì xem như cơ sở giáo dục đại học đồng ý với dự thảo báo

cáo đánh giá ngoài;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của cơ sở giáo dục đại học hoặc kể từ ngày hết thời hạn cơ sở giáo dục đại học trả lời ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài, đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục đại học biết những ý kiến đã được tiếp thu hoặc bảo lưu (nếu có). Trường hợp bảo lưu ý kiến phải nêu rõ lý do;

c) Đoàn đánh giá ngoài hoàn thiện báo cáo đánh giá ngoài và nộp báo cáo đánh giá ngoài cùng các hồ sơ liên quan cho giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi báo cáo đánh giá ngoài chính thức cho cơ sở giáo dục đại học;

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận báo cáo đánh giá ngoài, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cập nhật thông tin vào phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học;

đ) Các thành viên đoàn đánh giá ngoài và cá nhân có liên quan (giám sát viên, thực tập viên, chuyên viên hỗ trợ đoàn) không được tự ý cung cấp các thông tin liên quan đến nội dung công việc và kết quả đánh giá của đoàn đánh giá ngoài khi chưa được phép của trưởng đoàn đánh giá ngoài, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 36. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong hoạt động đánh giá ngoài

1. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ, dữ liệu liên quan đến hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, các điều kiện cần thiết khác để phục vụ công tác đánh giá ngoài.

2. Phân công một lãnh đạo của cơ sở giáo dục đại học và một cán bộ chuyên trách làm đầu mối làm việc với đoàn đánh giá ngoài.

3. Hợp tác, trao đổi, thảo luận với đoàn đánh giá ngoài về kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá và kết quả khảo sát của đoàn tại cơ sở giáo dục đại học.

4. Sau khi thống nhất với kết quả đánh giá ngoài, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn kèm theo báo cáo đánh giá ngoài chính thức, cơ sở giáo dục đại học gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục văn bản đề nghị xem xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; đồng thời ký hợp đồng thẩm định kết quả đánh giá và xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng.

5. Tiếp nhận thực tập viên quan sát, thực tập hoạt động đánh giá ngoài và thống nhất với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục về số lượng thực tập viên có thể tiếp nhận.

Mục 4

THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 37. Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục

1. Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục do giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định thành lập để thực hiện nhiệm vụ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục, đề nghị giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Hội đồng được sử dụng con dấu của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định; tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thực hiện việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh nhân sự của hội đồng để đáp ứng theo yêu cầu và quy định.

2. Hội đồng có số lượng thành viên là số lẻ và có ít nhất 09 thành viên, trong đó có không quá 50% số người trong hội đồng là thành viên cơ hữu của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Thành phần hội đồng gồm:

a) Chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng là lãnh đạo của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; trong các trường hợp cụ thể theo quy định liên quan, lãnh đạo của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục không được tham gia là chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng thì giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục giao cho người là kiểm định viên đã làm trưởng đoàn của ít nhất 10 đoàn đánh giá ngoài hoặc kiểm định viên đã là lãnh đạo cấp cơ sở giáo dục đại học hoặc tương đương trở lên và có kinh nghiệm trong công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục làm chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng;

b) Thành viên hội đồng là người đã hoặc đang là lãnh đạo cơ sở giáo dục đại học hoặc tương đương trở lên, lãnh đạo của đơn vị sử dụng lao động là người tốt nghiệp từ các nhóm ngành mà cơ sở giáo dục đại học có đào tạo (khuyến khích tham gia hội đồng), kiểm định viên đã làm trưởng đoàn hoặc thư ký đã tham gia ít nhất 05 đoàn đánh giá ngoài; các thành viên của hội đồng là kiểm định viên;

c) Hội đồng có tổ thư ký do giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quyết định thành lập theo đề nghị của chủ tịch hội đồng. Tổ trưởng tổ thư ký là 01 thành viên của hội đồng. Tổ thư ký thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

d) Trưởng đoàn đánh giá ngoài của cơ sở giáo dục đại học không được tham gia hội đồng với vai trò chủ tịch, thư ký và không được bỏ phiếu cho cơ sở giáo dục đại học mà mình đã tham gia đánh giá ngoài.

4. Phương thức làm việc của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục.

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số để quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ của hội đồng. Trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có thể mời thêm chuyên gia về lĩnh vực bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục tham dự phiên họp của hội đồng; trong trường hợp này, thành viên được mời dự họp được tham gia các ý kiến trao đổi thảo luận về chuyên môn nhưng không được tham gia biểu quyết;

b) Hội đồng họp (trực tiếp hoặc trực tuyến) toàn thể các thành viên ít nhất mỗi năm một lần để thảo luận về các vấn đề chuyên môn bao gồm các xu hướng về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục; đưa ra các khuyến nghị chính sách, cải tiến chất lượng đối với tổ chức kiểm định, cơ quan quản lý nhà nước (nếu có); họp thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục theo triệu tập của chủ tịch hội đồng; mỗi buổi họp không thẩm định quá hồ sơ của 03 đoàn đánh giá ngoài;

c) Ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên trong hội đồng và thành viên được mời (nếu có) nhận được hồ sơ thẩm định để nghiên cứu trước;

d) Ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, mỗi thành viên trong hội đồng gửi văn bản nhận xét về hồ sơ thẩm định cho chủ tịch hội đồng (mẫu biểu 13);

đ) Ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày họp, thư ký hội đồng gửi dự thảo nghị quyết thẩm định đánh giá kết quả cơ sở giáo dục đại học cho các thành viên trong hội đồng để nghiên cứu trước khi trao đổi, thảo luận tại cuộc họp;

e) Hội đồng căn cứ vào hồ sơ thẩm định, xem xét, biểu quyết về việc công nhận, không công nhận kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học hoặc thay đổi kết quả đánh giá ngoài với những tiêu chí, tiêu chuẩn có kết quả đánh giá chưa bảo đảm theo yêu cầu của các tiêu chí, tiêu chuẩn;

g) Nghị quyết của hội đồng (mẫu biểu 14) chỉ có giá trị khi được ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng nhất trí thông qua theo hình thức bỏ phiếu kín; biên bản họp hội đồng được toàn thể thành viên hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng;

5. Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học.

Điều 38. Thời hạn và hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học

1. Trong thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở giáo dục đại học đề nghị xem xét công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức họp hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục. Trường hợp hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục họp trực tuyến thì

tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tối thiểu nền tảng họp trực tuyến; tiến trình cuộc họp được ghi âm đầy đủ để lưu trữ cùng hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá.

2. Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục gồm có:

a) Báo cáo tự đánh giá;

b) Báo cáo đánh giá ngoài;

c) Văn bản của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi dự thảo báo cáo đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài cho cơ sở giáo dục đại học;

d) Văn bản phản hồi của cơ sở giáo dục đại học về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài;

đ) Văn bản của đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để gửi cơ sở giáo dục đại học về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến;

e) Văn bản của cơ sở giáo dục đại học đề nghị xem xét công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tổ thư ký giúp hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục lập kế hoạch thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học, chuẩn bị hồ sơ thẩm định, gửi hồ sơ thẩm định cho các thành viên hội đồng.

Điều 39. Quy trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học

Quy trình thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Họp toàn thể hội đồng do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng được ủy quyền chủ trì để thực hiện các công việc sau:

a) Nghe báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của đại diện cơ sở giáo dục đại học và những vấn đề cần thảo luận làm rõ;

b) Nghe báo cáo tóm tắt kết quả đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học của đại diện đoàn đánh giá ngoài và những vấn đề cần thảo luận làm rõ;

c) Thảo luận về các nội dung: kết quả tự đánh giá; kết quả đánh giá ngoài; việc điều chỉnh kết quả đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn (nếu có); dự thảo nghị quyết của hội đồng về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học, trong đó có các kiến nghị của hội đồng về việc đề nghị cơ sở giáo dục đại học được đánh giá khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục;

d) Hội đồng bỏ phiếu kín để thông qua nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học. Trường hợp hội đồng họp trực tuyến, các thành viên của hội đồng thực hiện biểu quyết theo hình thức phù hợp,

bảo đảm yêu cầu phiếu kín và được lưu trữ theo quy định.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm gửi cho cơ sở giáo dục đại học được đánh giá nghị quyết thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học, kèm theo các kiến nghị của hội đồng về việc đề nghị cơ sở giáo dục đại học khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được các văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ sở giáo dục đại học có văn bản phản hồi gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo một trong ba trường hợp sau:

a) Nhất trí với nội dung của nghị quyết và kiến nghị của hội đồng, đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

b) Nhất trí với nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng, cơ sở giáo dục đại học có kế hoạch khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục;

c) Không nhất trí với một phần hoặc toàn bộ nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng, đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét lại;

4. Quá thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này mà cơ sở giáo dục đại học không có văn bản phản hồi thì được hiểu là nhất trí với nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng.

5. Đối với trường hợp được quy định tại điểm a khoản 3 Điều này:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở giáo dục đại học, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công bố công khai kết quả đánh giá ngoài, nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

b) Sau 15 ngày công bố, nếu không có các khiếu nại, tố cáo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ra quyết định cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học cho cơ sở giáo dục đại học; nếu có các khiếu nại, tố cáo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục rà soát lại toàn bộ quy trình và hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá cơ sở giáo dục đại học trước khi quyết định cấp hay không cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học và chịu trách nhiệm giải trình;

c) Đối với các cơ sở giáo dục đại học cần bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước thì cơ sở giáo dục đại học gửi kết quả đánh giá ngoài, nội dung nghị quyết và kiến nghị của hội đồng đến cơ quan quản lý trực tiếp ít nhất 15 ngày làm việc trước khi được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét công nhận.

6. Đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có kế hoạch xem xét lại nội dung nghị quyết của hội đồng trong phiên họp gần nhất theo quy trình quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đã thực hiện việc xem xét lại theo quy định mà cơ sở giáo dục đại học vẫn không nhất trí với kết quả, thì kết luận sau xem xét lại của tổ chức kiểm định được sử dụng làm căn cứ để thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 5

CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 40. Điều kiện và việc công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục

1. Căn cứ nghị quyết về việc thẩm định kết quả đánh giá của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét, quyết định công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục khi cơ sở giáo dục đại học đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Đã có ít nhất một khóa học có người học tốt nghiệp tại thời điểm thành lập hội đồng tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá cơ sở giáo dục đại học đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 20 của Thông tư này.

2. Việc công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng

a) Cơ sở giáo dục đại học đáp ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này và đáp ứng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 của Thông tư này được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, có giá trị trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp;

b) Cơ sở giáo dục đại học đáp ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này và đáp ứng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20 của Thông tư này được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục có điều kiện và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, có giá trị trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp;

c) Trong thời hạn không quá 02 năm (24 tháng) kể từ ngày cơ sở giáo dục đại học được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục có điều kiện, cơ sở giáo dục đại học thực hiện cải tiến chất lượng theo kết luận đánh giá. Trường hợp kết quả đánh giá lại cho thấy cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu, cơ sở giáo dục đại học gửi văn bản đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục xem xét, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục;

d) Trong thời gian ít nhất chín (09) tháng trước khi giấy chứng nhận kiểm

định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục đại học hết hạn, cơ sở giáo dục đại học thực hiện tự đánh giá chu kỳ tiếp theo, trong đó làm rõ các cải tiến chất lượng so với chu kỳ liền trước đó và đăng ký với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để kiểm định chu kỳ tiếp theo.

Điều 41. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học

1. Căn cứ đề nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ra quyết định công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho cơ sở giáo dục đại học.

2. Giấy chứng nhận phải ghi rõ số tiêu chuẩn đạt/ tổng số tiêu chuẩn và tỉ lệ phần trăm số tiêu chuẩn đạt/ tổng số tiêu chuẩn.

3. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thiết kế và in ấn. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi mẫu giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng) trước khi sử dụng.

Điều 42. Thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học

1. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học còn thời hạn giá trị bị thu hồi nếu có vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Việc công nhận kết quả đánh giá và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học khi cơ sở giáo dục đại học không đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 20 hoặc quy định tại Điều 41 của Thông tư này;

b) Việc công nhận kết quả đánh giá và cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học không đúng quy định hoặc không phản ánh đúng thực trạng cơ sở giáo dục đại học đáp ứng các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

2. Đối với các cơ sở giáo dục đại học đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chất lượng kiểm định cơ sở giáo dục đại học hoặc Đoàn kiểm tra theo quy định về kiểm tra;

b) Việc thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định chất lượng kiểm định cơ sở giáo dục đại học được thực hiện như sau:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chất lượng kiểm định cơ sở giáo dục đại học. Hội đồng có năm (05) hoặc bảy (07) thành viên, trong đó chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Cục Quản lý chất lượng; thành

viên thư ký là công chức của Cục Quản lý chất lượng; thành viên khác là đại diện của các đơn vị liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu cần), chuyên gia là kiểm định viên có kinh nghiệm và có uy tín;

- Nhiệm vụ của Hội đồng: thẩm định hồ sơ đánh giá ngoài, hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học và việc công nhận, cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

- Hội đồng hoạt động thông qua hình thức tự nghiên cứu hồ sơ và họp thẩm định. Kết quả thẩm định chỉ được thông qua trong phiên họp khi có trên 50% số phiếu của thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó phải có phiếu của thành viên Hội đồng là chuyên gia, nhất trí theo một trong hai trường hợp: kết quả thẩm định chất lượng kiểm định cho thấy hồ sơ không có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này hoặc kết quả thẩm định chất lượng kiểm định cho thấy có vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này;

- Trường hợp kết quả thẩm định chất lượng kiểm định thể hiện trong hồ sơ không đạt yêu cầu, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức họp giữa đại diện Hội đồng thẩm định với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và đại diện đoàn đánh giá ngoài. Kết quả cuộc họp đối thoại được ghi thành biên bản và là căn cứ để kết luận. Trường hợp cuộc họp không thống nhất được kết quả thẩm định chất lượng kiểm định chất lượng giáo dục, Hội đồng thẩm định có văn bản, kèm theo hồ sơ liên quan báo cáo và đề xuất (thông qua Cục Quản lý chất lượng) lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định.

c) Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, các cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm cung cấp hồ sơ liên quan và tạo điều kiện để Hội đồng thẩm định chất lượng kiểm định cơ sở giáo dục đại học thực hiện nhiệm vụ.

3. Trình tự thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi văn bản yêu cầu giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học kèm theo các tài liệu liên quan;

b) Giám đốc tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm xem xét căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều này và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Quyết định thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học được công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cập nhật vào phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Điều 43. Thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục đại học duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng cơ sở giáo dục đại học. Duy trì và phát huy kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học đã được công nhận trong thời hạn có giá trị của giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

2. Hằng năm, cơ sở giáo dục đại học triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo các kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo với cơ quan quản lý trực tiếp về kết quả cải tiến chất lượng và việc khắc phục những tồn tại đã được chỉ ra trong báo cáo đánh giá ngoài. Trường hợp cơ sở giáo dục đại học không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ kế hoạch cải tiến, hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo theo quy định, thì bị xem xét xử lý theo quy định tại Điều 42 của Thông tư này.

3. Sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng, cơ sở giáo dục đại học thực hiện việc tự đánh giá giữa chu kỳ, tập trung đánh giá kết quả thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục; gửi báo cáo đánh giá giữa chu kỳ (Biểu 15) về Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý trực tiếp và tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cập nhật vào phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục sử dụng báo cáo này làm căn cứ phục vụ hoạt động đánh giá kế tiếp theo quy định của Thông tư này.

4. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện tự đánh giá chu kỳ kế tiếp theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này.

Điều 44. Hồ sơ lưu trữ về hoạt động đánh giá, công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng

1. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục lưu trữ hồ sơ về hoạt động đánh giá, công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; thời hạn bảo quản, lưu trữ và sử dụng hồ sơ tại tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Luật lưu trữ và các quy định hiện hành.

2. Hồ sơ lưu trữ gồm:

a) Các hợp đồng giữa tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục với cơ sở giáo dục đại học để thực hiện việc thẩm định báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài và thẩm định, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

b) Các văn bản về hoạt động thẩm định báo cáo tự đánh giá: kết quả thẩm định báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; hồ sơ tự đánh giá của cơ sở giáo dục đại học được hoàn thiện sau thẩm định của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

c) Các văn bản về hoạt động đánh giá ngoài: Quyết định thành lập đoàn

đánh giá ngoài; kế hoạch đánh giá ngoài; báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá của đoàn đánh giá ngoài; biên bản khảo sát sơ bộ; kết quả nghiên cứu sâu các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công của từng thành viên đoàn đánh giá ngoài; báo cáo đánh giá ngoài (Biểu 10); biên bản khảo sát chính thức; văn bản của cơ sở giáo dục đại học phản hồi về nội dung dự thảo báo cáo đánh giá ngoài (nếu có); văn bản của đoàn đánh giá ngoài thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi cơ sở giáo dục đại học về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến (nếu có);

d) Văn bản về hoạt động thẩm định, công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học: kế hoạch họp hội đồng; hồ sơ thẩm định; nhận xét về hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của từng thành viên hội đồng; biên bản họp hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục; nghị quyết của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục; báo cáo đánh giá ngoài hoàn thiện sau thẩm định (nếu có); quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Mục 6

CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ MỨC ĐẠT CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 45. Tự đánh giá và đề nghị đánh giá lại

1. Trong thời hạn không quá 24 tháng kể từ ngày cơ sở giáo dục đại học được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt có điều kiện, cơ sở giáo dục đại học thực hiện các nội dung sau:

a) Cải tiến chất lượng, tự đánh giá đối với các tiêu chí, tiêu chuẩn có mức đánh giá không đạt sau khi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả đánh giá;

b) Trường hợp kết quả tự đánh giá đáp ứng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 của Thông tư này, cơ sở giáo dục đại học gửi văn bản đề nghị tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đã thực hiện đánh giá tiến hành đánh giá lại đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí không đạt;

c) Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản này mà cơ sở giáo dục đại học không đáp ứng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 của Thông tư này thì giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục có điều kiện hết hiệu lực và cơ sở giáo dục đại học phải thực hiện kiểm định lại từ đầu theo quy trình kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Hồ sơ đăng ký đánh giá lại gồm có: công văn đề nghị đánh giá lại của cơ sở giáo dục đại học gửi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đã đánh giá; báo cáo tự đánh giá có cập nhật nội dung, kết quả cải tiến đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí không đạt trong báo cáo đánh giá ngoài trước đó; các minh chứng liên quan chứng minh việc cải tiến chất lượng.

Điều 46. Đánh giá lại, thẩm định kết quả đánh giá và công nhận đạt

tiêu chuẩn chất lượng giáo dục

1. Đánh giá lại:

a) Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thành lập đoàn đánh giá lại có ít nhất 03 thành viên gồm trưởng đoàn, thư ký và thành viên; trong đó có ít nhất 01 người là thành viên của đoàn đánh giá ngoài trước đó, ưu tiên lựa chọn thành viên đã trực tiếp thực hiện đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí không đạt để tham gia đoàn đánh giá lại. Đoàn đánh giá lại nghiên cứu hồ sơ minh chứng, tài liệu có liên quan đến các tiêu chuẩn, tiêu chí không đạt do cơ sở giáo dục đại học cung cấp; thực hiện khảo sát chính thức tại cơ sở giáo dục đại học trong thời gian không quá 02 ngày với các hoạt động: nghiên cứu hồ sơ minh chứng, tài liệu có liên quan đến tiêu chí đánh giá; thực hiện khảo sát, phỏng vấn, quan sát các hoạt động chính khóa, ngoại khóa (nếu cần) tại cơ sở giáo dục đại học; hoàn thiện các phiếu đánh giá tiêu chí; viết báo cáo kết quả khảo sát chính thức. Trước khi kết thúc đợt khảo sát, các thành viên đoàn đánh giá lại làm việc với hội đồng tự đánh giá để thông báo những công việc đã thực hiện và các phát hiện trong quá trình khảo sát, đồng thời hai bên ký biên bản khảo sát chính thức;

b) Đoàn đánh giá lại thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi dự thảo báo cáo đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn cho cơ sở giáo dục đại học để tham khảo ý kiến trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở giáo dục đại học nhận được dự thảo báo cáo;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo báo cáo đánh giá lại, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm gửi công văn cho đoàn đánh giá lại qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, nêu rõ các ý kiến nhất trí hoặc không nhất trí với dự thảo báo cáo đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn. Trường hợp không nhất trí với dự thảo báo cáo đánh giá lại, cơ sở giáo dục đại học phải nêu rõ lý do kèm theo các minh chứng. Nếu quá thời hạn trên mà cơ sở giáo dục đại học không có ý kiến trả lời thì xem như đồng ý với dự thảo báo cáo đánh giá lại;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến phản hồi của cơ sở giáo dục đại học hoặc kể từ ngày hết thời hạn cơ sở giáo dục đại học trả lời ý kiến về dự thảo báo cáo đánh giá lại, đoàn đánh giá lại thông qua tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục đại học biết những ý kiến đã được tiếp thu hoặc bảo lưu. Trường hợp bảo lưu ý kiến phải nêu rõ lý do;

đ) Đoàn đánh giá lại hoàn thiện báo cáo đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn và nộp về tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cập nhật vào báo cáo đánh giá trước đó và chính thức gửi báo cáo đánh giá lại cho cơ sở giáo dục đại học.

2. Thẩm định kết quả đánh giá lại:

a) Trường hợp kết quả đánh giá lại đáp ứng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 của Thông tư này, cơ sở giáo dục đại học được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả đánh giá;

b) Việc thẩm định kết quả đánh giá lại thực hiện theo quy định về thẩm định kết quả đánh giá ngoài tại Thông tư này.

3. Công nhận và cấp giấy chứng nhận:

a) Việc công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 40 của Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục được cấp sau đánh giá lại có giá trị đến hết thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục có điều kiện trước đó và thay thế giấy chứng nhận đạt có điều kiện đã cấp;

c) Sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, cơ sở giáo dục đại học tiếp tục thực hiện cải tiến chất lượng theo quy định của Thông tư này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 47. Trách nhiệm của Cục Quản lý chất lượng

1. Công khai danh sách các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước, các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài, các cơ sở giáo dục đại học được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Tổ chức triển khai, bảo đảm việc thực hiện thống nhất các quy định của Thông tư này.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan theo quy định.

Điều 48. Trách nhiệm của Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin

1. Tổ chức việc khai thác Hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học (HEMIS), chia sẻ, cung cấp thông tin về bảo đảm và kiểm định chất lượng trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục đại học theo đề nghị của các bên liên quan.

2. Chủ trì/phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc nâng cấp phần mềm HEMIS theo yêu cầu của công tác quản lý.

Điều 49. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học

1. Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng cho cơ sở giáo dục đại học theo các tiêu chuẩn chất lượng, theo từng giai đoạn.

2. Cập nhật thông tin về kết quả tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học vào phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học và kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục đại học sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng về Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

3. Công bố công khai kết quả đánh giá ngoài, kế hoạch cải tiến chất lượng, giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi được cấp giấy chứng nhận (không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học cần được bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước).

4. Hằng năm, báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp và Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục sau khi được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

5. Tự đánh giá và chịu trách nhiệm về việc cơ sở giáo dục đại học đáp ứng các quy định của chuẩn cơ sở giáo dục đại học và các điều kiện về duy trì bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành trước khi đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra; cung cấp tài liệu, minh chứng, báo cáo phục vụ việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền.

7. Thực hiện các quy định khác có liên quan theo quy định pháp luật.

Điều 50. Trách nhiệm của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

1. Báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai các thông tin, kết quả kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan.

2. Cập nhật vào phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và công bố công khai báo cáo đánh giá ngoài, nghị quyết của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ít nhất 15 ngày trước khi cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học (không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học cần được bảo mật thông tin theo quy định của Nhà nước).

3. Cập nhật vào phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và công bố công khai giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi cấp. Công khai danh sách

các cơ sở giáo dục đại học đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

4. Hằng tháng, cập nhật hoạt động và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục vào phần mềm quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

5. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ kiểm định viên cơ hữu và kiểm định viên cộng tác.

6. Công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục về cách tính và mức kinh phí cho các hoạt động: thẩm định báo cáo tự đánh giá, đánh giá ngoài và thẩm định, công nhận cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng.

7. Căn cứ nội dung quy định của Thông tư này, phát triển các tài liệu, sổ tay nghiệp vụ chuyên môn dành cho kiểm định viên để triển khai thống nhất. Trong trường hợp bổ sung các tiêu chí và hướng dẫn mới liên quan đến việc thực hiện tiêu chuẩn kiểm định, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục gửi báo cáo tới Bộ Giáo dục và Đào tạo qua Cục Quản lý chất lượng trước khi ban hành.

8. Sau khi cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có trách nhiệm theo dõi, phản hồi báo cáo cải tiến chất lượng của cơ sở giáo dục đại học.

9. Chịu sự thanh tra, kiểm tra; cung cấp tài liệu, minh chứng, báo cáo phục vụ việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền, phối hợp với Cục Quản lý chất lượng trong việc cung cấp thông tin, hồ sơ liên quan khi phát sinh khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các quy định khác có liên quan theo quy định pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51. Điều khoản chuyển tiếp

Các cơ sở giáo dục đại học và tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đã thực hiện tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học và kết thúc quy trình kiểm định chất lượng giáo dục chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 52. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học. Bãi bỏ các quy định về hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục được quy định tại Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Điều 53. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; Viện trưởng các viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ; Hiệu trưởng hoặc Giám đốc các cơ sở giáo dục khác được phép hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; Giám đốc các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VH&XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục KTVB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Như Điều 53;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL.

Q. BỘ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Hoàng Minh Sơn